

Số: 69/QĐ-VP

Việt Hoà, ngày 08 tháng 04 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước Quý 1/2026

CHÁNH VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND PHƯỜNG VIỆT HOÀ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1045/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của UBND phường Việt Hoà về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các phòng, cơ quan, đơn vị phường Việt Hoà.

Theo đề nghị của Kế toán Văn phòng HĐND và UBND phường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước Quý 1/2026 của Văn phòng HĐND và UBND phường Việt Hoà.

(Chi tiết theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng; Phó Chánh Văn phòng; Kế toán Văn phòng; Trưởng phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy, TT HĐND phường;
- Lãnh đạo UBND phường;
- Như điều 3
- Lưu: VT, KT.

KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Lương Bình Dương

Việt Hoà, ngày 08 tháng 4 năm 2026

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2026
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025; Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ- CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Văn phòng HĐND và UBND phường Việt Hoà công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách Quý I năm 2026 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	73.191.820.021	31.312.998.242	42,78	
I	Nguồn ngân sách trong nước	73.191.820.021	31.312.998.242	42,78	
1	Chi quản lý hành chính	18.021.660.553	3.530.638.776	19,59	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	9.375.143.000	1.748.533.714	18,65	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	8.646.517.553	1.782.105.062	20,61	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	16.788.294.367	15.266.041.400	90,93	
3.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	180.000.000		0,00	
3.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	16.608.294.367	15.266.041.400	91,92	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0	0		
4.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
4.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
5	Chi bảo đảm xã hội	4.572.385.265	656.804.665	14,36	
5.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.455.000.000	656.804.665	26,75	
5.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	2.117.385.265		0,00	
6	Chi hoạt động kinh tế	3.942.910.000	1.418.067.801	35,97	
6.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.945.000.000	5.067.801	0,26	
6.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.997.910.000	1.413.000.000	70,72	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	6.372.695.300	0	0,00	
7.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5.979.600.000		0,00	
7.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	393.095.300		0,00	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0	0		
8.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
8.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	53.408.231	0	0,00	
9.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
9.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	53.408.231		0,00	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0	0		
10.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
10.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
11	Chi sự nghiệp giao thông	18.889.113.000	9.920.000.000	52,52	

11.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.781.000.000		0,00	
11.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	16.108.113.000	9.920.000.000	61,58	
12	Chi An Ninh	2.256.000.000	453.492.000	20,10	
12.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.256.000.000	453.492.000	20,10	
12.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
13	Chi Quốc Phòng	401.953.600	67.953.600	16,91	
13.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	373.953.600	67.953.600	18,17	
13.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	28.000.000		0,00	
14	Chi sự nghiệp Nông nghiệp và PCLB	1.893.399.705	0	0,00	
14.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.350.200.000		0,00	
14.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	543.199.705		0,00	
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

Ngày 08 tháng 4 năm 2026

Chủ trương đơn vị



Lương Bình Dương

Việt Hoà, ngày 08 tháng 04 năm 2026

THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ 1 NĂM 2026
CỦA VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND PHƯỜNG VIỆT HOÀ

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025; Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ- CP ngày 10/3/2026 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1045/QĐ-UBND ngày 26/12/2025 của UBND phường Việt Hòa về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 cho các phòng, cơ quan, đơn vị phường Việt Hòa;

Căn cứ các Quyết định điều chỉnh, bổ sung ngân sách phường năm 2026,

I. Tình hình thực hiện dự toán thu chi Quý 1 năm 2026.

Đvt: đồng

STT	Nguồn	Nội Dung	Dự toán năm trước chuyển sang	Dự toán đầu năm	Bổ sung trong kỳ	Dự toán được sử dụng	Dự toán đã sử dụng	Lũy kế đến kỳ báo cáo	Dự kiến chuyển nguồn/nộp lại NS cấp trên/hủy dự toán	Dự toán còn lại
A	B	C	I	2	3	4=I+2+3	5	6	7	8=4-6-7
		Tổng cộng	12.346.747.254	62.744.357.000	-1.899.284.233	73.191.820.021	31.312.998.242	31.312.998.242		41.878.821.779
I	12	Nguồn kinh phí không tự chủ	6.153.787.254	1.080.000.000	2.361.247.167	9.595.034.421	1.782.105.062	1.782.105.062		7.812.929.359
1		Quốc phòng								
2		An ninh và trật tự an toàn xã hội								
3		Các nhiệm vụ phục vụ cho giáo dục, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp khác	81.595.367			81.595.367				81.595.367
4		Y tế khác								
5		Văn hóa								
6		Phát thanh	53.408.231			53.408.231				53.408.231
7		Thể dục thể thao								
8		Bảo vệ môi trường khác	393.095.300			393.095.300				393.095.300
9		Nông nghiệp và dịch vụ nông nghiệp			543.199.705	543.199.705				543.199.705
10		Giao thông đường bộ								
11		Sự nghiệp kinh tế và dịch vụ khác								
12		Quản lý nhà nước	3.508.303.091	1.080.000.000	1.818.047.462	6.406.350.553	1.782.105.062	1.782.105.062		4.624.245.491



13		Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng								
14		Chính sách và hoạt động phục vụ các đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khác	2.117.385.265			2.117.385.265				2.117.385.265
II	13	Nguồn kinh phí tự chủ		30.797.791.000	-4.101.894.400	26.695.896.600	2.931.851.780	2.931.851.780		23.764.044.820
1		Quốc phòng		2.660.000.000	-2.286.046.400	373.953.600	67.953.600	67.953.600		306.000.000
2		An ninh và trật tự an toàn xã hội		2.256.000.000		2.256.000.000	453.492.000	453.492.000		1.802.508.000
3		Các nhiệm vụ phục vụ cho giáo dục, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp khác		180.000.000		180.000.000				180.000.000
		Phát triển công nghệ, giải pháp xã hội		327.300.000	-327.300.000					
4		Y tế khác								
5		Văn hóa		2.374.032.000	-2.374.032.000					
6		Phát thanh		243.000.000	-243.000.000					
7		Thể dục thể thao		287.100.000	-287.100.000					
8		Bảo vệ môi trường khác		5.979.600.000		5.979.600.000				5.979.600.000
9		Nông nghiệp và dịch vụ nông nghiệp		1.440.200.000	-90.000.000	1.350.200.000				1.350.200.000
10		Thủy lợi và dịch vụ thủy lợi								
11		Giao thông đường bộ		2.781.000.000		2.781.000.000				2.781.000.000
12		Sự nghiệp kinh tế và dịch vụ khác		1.945.000.000		1.945.000.000	5.067.801	5.067.801		1.939.932.199
13		Quản lý nhà nước		10.324.559.000	-949.416.000	9.375.143.000	1.748.533.714	1.748.533.714		7.626.609.286
15		Chính sách và hoạt động phục vụ người có công với cách mạng								
16		Chính sách và hoạt động phục vụ các đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khác			2.455.000.000	2.455.000.000	656.804.665	656.804.665		1.798.195.335
	18	Quỹ khen thưởng		400.357.000	-158.637.000	241.720.000				241.720.000
1		Quốc phòng		28.000.000		28.000.000				28.000.000
2		Văn hóa		79.579.000	-79.579.000					
3		Nông nghiệp và dịch vụ nông nghiệp		7.000.000	-7.000.000					
4		Quản lý nhà nước		285.778.000	-72.058.000	213.720.000				213.720.000
	43	Ngân sách chi đầu tư nguồn bổ sung mục tiêu từ NS cấp trên	607.349.000	25.673.449.000		26.280.798.000	21.806.281.400	21.806.281.400		4.474.516.600
1		Giáo dục		15.000.000.000		15.000.000.000	13.739.342.400	13.739.342.400		1.260.657.600
2		Giao thông đường bộ	607.349.000	7.233.939.000		7.841.288.000	6.653.939.000	6.653.939.000		1.187.349.000
3		Sự nghiệp kinh tế và dịch vụ khác		1.547.910.000		1.547.910.000	1.413.000.000	1.413.000.000		134.910.000
4		Quản lý nhà nước		1.891.600.000		1.891.600.000				1.891.600.000

	44	Nguồn ngân sách xã chi đầu tư	5.585.611.000	4.792.760.000		10.378.371.000	4.792.760.000	4.792.760.000		5.585.611.000
1		Giáo dục		1.526.699.000		1.526.699.000	1.526.699.000	1.526.699.000		
2		Giao thông đường bộ	5.000.764.000	3.266.061.000		8.266.825.000	3.266.061.000	3.266.061.000		5.000.764.000
3		Sự nghiệp kinh tế và dịch vụ khác	450.000.000			450.000.000				450.000.000
4		Quản lý nhà nước	134.847.000			134.847.000				134.847.000

II. Đánh giá.

Chi ngân sách đảm bảo theo dự toán, cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ của các phòng, đồng thời đảm bảo kịp thời các khoản chi chế độ cho cán bộ công chức. Việc điều hành chi được bám sát nhiệm vụ theo dự toán đã được giao.

Trên đây là thuyết minh thực hiện dự toán thu-chi ngân sách Quý 1 năm 2026 của Văn phòng HĐND và UBND phường Việt Hòa./.

Ngày 07 tháng 4 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Văn Thanh

